TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- B** TỈNH B	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **43**/2026/HSST
Ngày: 03- 02- 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- B, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung

2. Bà Cao Thị Hồng Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 1- B, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngọc Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 43/2026/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 01 năm 2026, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Lầu A N;** Tên gọi khác: Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 02/02/2003, tại tỉnh S;

Nơi cư trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản C, xã C1, tỉnh S.

Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ văn hóa: 08/12 phổ thông; Dân tộc: Mông; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Tin Lành; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lầu Vạ D và bà: Mùa Thị C; Vợ, con: Bị cáo chưa có vợ, con. Tiền án: Có 01 tiền án, ngày 25/10/2023, bị Toà án nhân dân huyện Sông Mã, tỉnh S xét xử và xử phạt 01 năm 04 tháng tù về tội: "Trộm cắp tài sản", ngày 30/10/2024, bị cáo chấp hành xong bản án, đến lần phạm tội này, bị cáo chưa được xóa án tích. Tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 13/8/2019, bị Toà án nhân dân thị xã M, tỉnh Đ xét xử và xử phạt 36 tháng tù về tội: "Cướp giật tài sản", ngày 02/7/2021, bị cáo chấp hành xong án phạt tù, đến lần phạm tội này đương nhiên được xóa án tích. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 28/10/2025 cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Bà Lê Thị Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh B (Có mặt).

- *Bị hại*: Ông Lường Văn S1; Địa chỉ: B1, xã B, tỉnh B (Vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/9/2025, bị cáo Lầu A N đi xe ô tô khách đi từ nhà ở bản C, xã C1, tỉnh S đến nhà Lau (là bạn của N) ở bản T, xã T1, tỉnh B và ở đó chơi đến ngày 18/10/2025. Khoảng 13 giờ ngày 18/10/2025, N đi nhờ xe máy của một người đàn ông không quen biết đến khu vực xã B, tỉnh B, rồi ngủ lại ven đường. Khoảng 02 giờ ngày 19/10/2025, N tỉnh dậy và đi bộ dọc đường tìm đồ ăn. khi đi qua nhà anh Lường Văn S1, trú tại B1, xã B, tỉnh B, thấy cổng không khóa mà chỉ cài chốt, N nảy sinh ý định trộm cắp tài sản, nên mở chốt cổng, rồi lén lút đi vào trong khu vực gầm sàn nhà anh S1, N lấy chiếc điện thoại di động hiệu OPPO A53 của mình rồi bật đèn flash để soi thì thấy một xe mô tô nhãn hiệu ESPERO màu xanh xám đen, biển kiểm soát 27AA-338.21, trên ổ vẫn có chìa khóa. N tiến đến dắt chiếc xe ra ngoài cổng. Sau đó, ngồi lên xe, thả trôi theo dốc được khoảng 10 mét nổ máy điều khiển xe theo hướng từ xã M đi tỉnh S. Khi đến xã C, tỉnh S, lo sợ bị phát hiện nên N mang xe cất giấu trong rừng thuộc địa phận xã C, với mục đích chờ một thời gian sẽ mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Đến ngày 26/10/2025, Công an xã B, tỉnh B triệu tập đến làm việc. N đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản xẩy ra vào ngày 19/10/2025 và tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô đã trộm cắp.

Tại Bản kết luận định giá số: 01/KL-HDĐGTS ngày 27/10/2025, Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự xã B, tỉnh B kết luận: 01 xe moto nhãn hiệu ESPERO màu xanh, xám, đen, BKS: 27AA-338.21 có giá: 10.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSKV1 ngày 30/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B đã truy tố bị cáo Lầu A N về tội: Trộm cắp tài sản, theo quy định tại khoản 1 Điều 173/BLHS. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1-B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo về tội: Trộm cắp tài sản, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS. Xử phạt bị cáo từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Tịch thu sung ngân sách 01 chiến điện thoại di động hiệu OPPO A53. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không đặt vấn đề xem xét. Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa người bào chữa cho bị cáo bào chữa: Trong quá trình điều tra cho tới phiên tòa bị cáo đều thành khẩn khai báo, gia đình làm nông nghiệp, không có thu nhập gì, trình độ văn hóa còn hạn chế, đề nghị Hội đồng xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS, để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, không áp dụng hình phạt bổ sung, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị cáo không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B Phủ.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Lời khai nhận tội của bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của bị hại và những người liên quan khác cũng như các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản lấy lời khai, biên bản hiện trường, biên bản tạm giữ đồ vật tài liệu, bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự….Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Ngày 19/10/2025 tại B1, xã B, tỉnh B, Lầu A N đã có hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 27AA-338.21 của anh Lường Văn S1 có trị giá 10.000.000 đồng, mục đích để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của cá nhân được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn xã B, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Từ những phân tích trên khẳng định: Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B truy tố bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại Điều 173/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, là hoàn toàn đúng người, đúng tội.

[2]. Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã phạm tội, nhưng đến lần phạm tội này chưa được xóa án tích, nên phải chịu tình tiết tăng nặng "Tái phạm" quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025. Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu. Ngày 13/8/2019, bị Toà án nhân dân thị xã M (Nay là tòa án nhân dân khu vực 4), tỉnh B xét xử và xử phạt 36 tháng tù về tội: "Cướp giật tài sản", ngày 02/7/2021, bị cáo chấp hành xong Bản án, nên đương nhiên được xóa án tích.

Hội đồng xét xử xét thấy, bị cáo là người đã từng bị chấp hành nhiều bản án bằng hình phạt tù, nhưng khi trở về địa phương, không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có thời gian cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Với giá trị tài sản mà bị cáo trộm cắp, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, căn cứ vào đề nghị của người bào chữa cho bị cáo, thì mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an tỉnh B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là làm nông nghiệp, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Vật chứng: Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu xanh - xám - đen biển kiểm soát 27AA-338.21, là tài sản của ông Lường Văn S1, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp theo Quyết định xử lý vật chứng số 6963 ngày 24/12/2025, sau khi nhận lại tài sản, ông S1 không có khiếu nại gì, xét việc trả lại tài sản là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Đối với chiếc điện thoại di động màn hình cảm ứng hiệu OPPO A53 màu đen, là tài sản của bị cáo Lầu A N, bị cáo đã dùng làm công cụ phạm tội, nên cần tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

Bồi thường dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Lường Văn S1 không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại, nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn, nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025.

- Tuyên bố bị cáo Lầu A N phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Xử phạt bị cáo Lầu A N 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giam (28/10/2025).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47/BLHS năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2025, điểm a khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu sung ngân sách 01 điện thoại nhãn hiệu OPPO A53, màu đen (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 31/12/2025 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra, Công an tỉnh B và phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- B, tỉnh B).*

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu, nên không đặt vấn đề xem xét.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (03/02/2026), bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người bào chữa cho bị cáo;
- VKSND khu vực 1- B;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra, Công an tỉnh ĐB;
- Phòng CSTHAHS và HTTP Công an tỉnh ĐB;
- Phòng HSNV, Công an tỉnh ĐB;
- Trại tạm giam Công an tỉnh B;
- Thi hành án dân sự tỉnh B;
- TAND tỉnh B;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Đào Thị Thúy Thành

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người CQLNVLQ;
- VKSND TPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan điều tra Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Trại tạm giam, Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Sở Tư pháp tỉnh B;
- Chi cục THADS TPĐBP;
- TAND tØnh §B;
- HS Thi hµnh ¸n HS;
- L-u hå s¬ vô ¸n;
- L-u VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Thúy Thành